

Số: 4559/2023/QĐST-DS

Thành phố Thủ Đức, ngày 06 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 11 năm 2023. Các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 1106/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1968.

Địa chỉ: A Đào Trinh Nhất, khu phố B, phường C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: bà Phan Thị A, sinh năm 2001 (văn bản ủy quyền ngày 15/8/2023).

Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1980

- Ông Lương Hoàng H, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: A Đường số B, tổ C, khu phố D, phường Tam Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: ông Phan Thanh B, sinh năm 1983 (văn bản ủy quyền ngày 20/10/2023).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Tạ Lam S, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số A Kha Vạn Cân, phường B, thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trương Thị Linh Đ, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số A Chân Lý, khu phố B, phường C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Anh T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc N số tiền 1.293.000.000 đồng. Việc trả tiền được thực hiện làm 03 đợt, cụ thể:

- Trả số tiền 200.000.000 đồng, chậm nhất vào ngày 29/12/2023;
- Trả $\frac{1}{2}$ số tiền còn lại là 546.500.000 đồng chậm nhất ngày 29/02/2024;
- Trả nốt số tiền còn lại chậm nhất ngày 30/4/2024.

Trường hợp bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận nêu trên thì bà N được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án toàn bộ nghĩa vụ. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên bị thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Anh T phải chịu 25.395.000 (hai mươi lăm triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn) đồng. Hoàn lại cho Bà Nguyễn Thị Ngọc N tiền tạm ứng án phí đã nộp 41.912.220 (bốn mươi một triệu, chín trăm mười hai nghìn, hai trăm hai mươi) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005187 ngày 29/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ny sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS nhân dân TP. Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THA DS TP. Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Đinh Khắc Hưng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

- (1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).